

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày 16/01/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hoanh

2. Bà Nguyễn Thị Mừng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 225/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2017/QĐ-HPT ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Anh T

- Bị đơn: Ông Phan Đình B

Cùng địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 9 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ bà Trần Thị Anh T (nguyên đơn) trình bày:

[1]. Về hôn nhân:

Bà Trần Thị Anh T và ông Phan Đình B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 11 vào ngày 17 tháng 3 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Bà T và ông B chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do làm ăn kinh tế khó khăn nên thường xuyên xảy ra xung đột, không tin tưởng nhau và ông B chửi bới đánh đập bà T. Do chịu đựng không nổi bà T bỏ đi khỏi nhà từ tháng 9 năm 2017 đến nay, hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau. Bà T thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Đình B.

Tại các văn bản ghi ý kiến của ông Phan Đình B (bị đơn) trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, ông B đồng ý với lời trình bày của bà T về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn ông B cho rằng bà T ham chơi không có trách nhiệm với gia đình, có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Khi ông B góp ý để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà T không nghe và bỏ đi khỏi nhà. Do bà T chưa nói chuyện cụ thể sự việc mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nên ông B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà T.

[2]. Về con chung:

Bà T khai nhận vợ chồng có một con chung là Phan Trần Quỳnh N, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2003.

Bà T không có nguyện vọng nuôi con do chưa có chỗ ở ổn định. Khi Tòa án giải quyết ly hôn bà T giao con cho ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông B công nhận vợ chồng có một con chung như bà T khai. Ông B có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung:

Bà T và ông B cùng khai nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn bà T đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn ông B đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 29 tháng 12 năm 2017 và phiên tòa hôm nay ông B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Ông B đã từ bỏ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Bà T và ông B đều có lời khai thống nhất, phù hợp với tài liệu điều tra thể hiện cả hai xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 3 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, bà T đã bỏ đi khỏi nhà thời gian từ tháng 9 năm 2017 đến nay và vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay bà T thấy tình yêu thương vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với ông B. Ông B không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà T và ông B không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông B là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phan Trần Quỳnh N, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2003 và ông B đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không có nguyện vọng nuôi con chung do chưa có chỗ ở ổn định. Ông B có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con vị thành niên nên giao cháu Phan Trần Quỳnh N cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông B cùng khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Đình B là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông B cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông B là đúng với khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là hợp pháp. Quá trình chung sống do làm ăn kinh tế khó khăn nên thường xuyên xảy ra xung đột, không tin tưởng nhau và ông B chửi bới đánh đập bà T. Đối với ông B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T ham chơi không có trách nhiệm với gia đình, có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh ý kiến của mình. Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra bà T đã bỏ đi khỏi nhà từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Hiện bà T và ông B không còn chung sống với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là Phan Trần Quỳnh N, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2003 và bà T không có nguyện vọng nuôi con chung mà giao con cho ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, ông B có nguyện vọng nuôi con, cháu N cũng có nguyện vọng được ở với ông B. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của ông B là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Phan Trần Quỳnh N.

[4]. Về cấp dưỡng: Ông B không yêu cầu bà T đóng góp nuôi con nên Tòa án không xem xét đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Phan Đình B.

[5. Về tài sản chung và nợ chung]: Bà T và ông B cùng khai không có nên không xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án thì bà T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Anh T đối với ông Phan Đình B.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Anh T được ly hôn với ông Phan Đình B.

[2]. Về con chung: Giao con chung Phan Trần Quỳnh N, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2003 cho ông Phan Đình B được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành.

Ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung sau ly hôn không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông B cùng khai không có nên không xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Anh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu 10804 ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà T đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Bà Trần Thị Anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Đình B vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tụ Soái

